

Bản án số: 77/2018/ HNGĐ- ST

Ngày: 19/9/2018

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Mai Đình Thuận

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Bá Long

Bà: Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Ngày 19/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 213/2018/TLST - HNGĐ ngày 08/8/2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXX - ST ngày 04/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1989

HKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: Xóm 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Vũ Trọng T, sinh năm: 1986

HKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/7/2018, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Trọng T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2011, nhưng đến ngày 18/12/2013 vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Anh T trình bày: Vợ chồng tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng đến ngày 18/12/2013 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa như chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống không

có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra xô sát. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị ly hôn anh cũng đồng ý.

- Về con chung:

Chị T trình bày: Vợ chồng có 1 con chung cháu Vũ Trọng T, sinh ngày 22/8/2012, hiện nay cháu T đang sống cùng với chị, chị đề nghị được nuôi cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH DREMFVINA, tại huyện T - Thanh Hóa, thu nhập bình quân mỗi tháng là 6.000.000đ nên có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu tốt nhất.

Anh T trình bày: Vợ chồng có một con chung là cháu Vũ Trọng T, sinh ngày 22/8/2012 như chị T trình bày là đúng, hiện cháu đang sống cùng chị T, ly hôn nguyện vọng của anh là được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Công việc hiện tại của anh là thợ xây, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 4.000.000đ

- Về tài sản: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Vũ Trọng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18/12/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Vũ Trọng T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống không có hạnh phúc thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay hai bên đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh T cũng đồng ý. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Vũ Trọng T, sinh ngày 22/8/2012, hiện tại cháu T đang sống cùng chị T, chị T và anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T là chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt quyền lợi của người chưa thành niên, cháu T lâu nay ở với chị T phát triển tốt mọi mặt. Do vậy tiếp tục giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 55,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Vũ Trọng T

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Trọng T, sinh ngày 22/8/2012 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Lê Thị T và anh Vũ Trọng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm tại biên lai số: AA/2017/ 5130 ngày 23/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND.H T;
- Chi cục T.H.ADS T;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đình Thuận

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đình Thuận